

ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP

Hiệu lực từ ngày 03/11/2025

Điều 1. Nguyên tắc chung

Nội dung của Bản Điều khoản và Điều kiện này cùng với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp tạo thành một Hợp đồng tín dụng (gọi tắt là “**Hợp Đồng**”) giữa Ngân hàng và Chủ thẻ. Bằng việc ký vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp, Chủ thẻ và Ngân hàng đã đồng ý chấp nhận tất cả các quy định được nêu trong Bản Điều khoản và Điều kiện này. Chủ thẻ có trách nhiệm xem xét và đọc kỹ nội dung được nêu trong Bản Điều khoản và Điều kiện này trước khi sử dụng Thẻ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. **Ngân hàng:** là Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt (BVBank)
2. **Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp:** là yêu cầu thể hiện dưới dạng văn bản hoặc phương thức điện tử thể hiện ý chí của Chủ thẻ về việc yêu cầu Ngân hàng cấp Hạn mức tín dụng thẻ theo quy định của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ.
3. **Tài khoản Thẻ** (sau đây gọi tắt là Tài khoản): Là tài khoản được mở tại Ngân hàng phù hợp với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp để quản lý các giao dịch phát sinh trên Thẻ.
4. **Thẻ:** là các loại thẻ tín dụng mà Ngân hàng phát hành cho Chủ thẻ để thực hiện các giao dịch thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng thẻ đã được cấp bởi Ngân hàng.
5. **Chủ thẻ:** là tổ chức được Ngân hàng cung cấp Thẻ để sử dụng, bao gồm: Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ.
6. **Chủ thẻ chính:** là tổ chức có tên trên Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp đã được Ngân hàng chấp thuận và cấp Thẻ. Tổ chức đứng tên thực hiện giao kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp với tổ chức phát hành thẻ.
7. **Chủ thẻ phụ/Người sử dụng thẻ:** là cá nhân được chủ thẻ chính cho phép sử dụng thẻ và chủ thẻ chính cam kết bằng văn bản thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ theo Hợp Đồng.
8. **Tổ chức thanh toán thẻ** (gọi tắt là TCTTT) là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện thanh toán thẻ khi hoạt động cung ứng dịch vụ thẻ được ghi trong Giấy phép hoặc Giấy phép bổ sung, sửa đổi (nếu có) do Ngân hàng Nhà nước cấp.
9. **Đơn vị chấp nhận Thẻ** (sau đây gọi tắt là ĐVCNT): là đơn vị chấp nhận thanh toán chấp nhận thanh toán hàng hoá, dịch vụ bằng thẻ.
10. **Giao dịch thanh toán:** là các giao dịch bao gồm giao dịch đặt trước, giao dịch thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ tại các ĐVCNT và qua Internet.
11. **Giao dịch rút tiền mặt:** là các giao dịch mà người sử dụng thẻ nhận được tiền mặt hoặc các giao dịch tương đương tiền mặt bao gồm các giao dịch có thể quy đổi trực tiếp thành tiền, giao dịch mua ngoại tệ, giao dịch chuyển tiền tại ATM và qua Internet, giao dịch liên quan đến các trò chơi có thưởng.

12. **Máy giao dịch tự động** (Automated Teller Machine - sau đây gọi tắt là ATM): là thiết bị mà người sử dụng thẻ có thể sử dụng để gửi, nạp, rút tiền mặt, chuyển khoản, tra cứu thông tin giao dịch thẻ hoặc sử dụng các dịch vụ khác.
13. **PIN**: là một dãy mã số bí mật của người sử dụng thẻ được Ngân hàng cấp để thực hiện các giao dịch thẻ tại ATM hoặc máy POS. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm bảo mật và có thể thay đổi mã số này trong suốt quá trình sử dụng Thẻ.
14. **Mã OTP**: mã khóa bí mật dùng một lần (One Time Password - OTP) là hình thức xác nhận bằng mã khóa bí mật trong đó mã khóa bí mật có giá trị sử dụng một lần và có hiệu lực trong một khoảng thời gian nhất định, bao gồm các hình thức OTP do Ngân hàng triển khai từng thời kỳ.
15. **Thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán** bao gồm POS (Point of sale), mPOS (Mobile Point of Sale) và các loại thiết bị chấp nhận thẻ khác: là các thiết bị đọc thẻ, thiết bị đầu cuối được cài đặt và sử dụng tại các ĐVCNT mà người sử dụng thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
16. **Bảng sao kê giao dịch thẻ (gọi tắt là Bảng sao kê)**: là chứng từ do Ngân hàng lập và gửi cho khách hàng/chủ thẻ định kỳ hàng tháng, liệt kê tất cả các khoản phát sinh trên tài khoản thẻ (bao gồm các giao dịch, tiền lãi, phí, sự điều chỉnh nếu có phát sinh trong kỳ sao kê) và Dư nợ cuối kỳ, số tiền thanh toán tối thiểu, ngày đến hạn thanh toán.
17. **Kỳ sao kê**: là khoảng thời gian giữa hai lần phát hành Bảng sao kê liên tiếp.
18. **Dư nợ cuối kỳ (gọi tắt là Dư Nợ)**: là tổng số tiền Chủ thẻ phải thanh toán cho Ngân hàng bao gồm các giao dịch đã ghi nhận vào tài khoản thẻ, phí, tiền lãi và các khoản phải trả khác (nếu có) liên quan đến việc sử dụng Thẻ chưa được Chủ thẻ thanh toán cho Ngân hàng và được chỉ định trong Bảng sao kê.
19. **Số tiền thanh toán tối thiểu (còn gọi là Khoản thanh toán tối thiểu)**: là số tiền tối thiểu mà Chủ thẻ phải thanh toán cho Ngân hàng vào hoặc trước Ngày đến hạn trong mỗi Kỳ sao kê, bao gồm Định mức thanh toán tối thiểu cộng với khoản vượt hạn mức tín dụng thẻ, khoản tiền của giao dịch trả góp hàng tháng và Khoản thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán của kỳ sao kê trước (nếu có).
20. **Định mức thanh toán tối thiểu** là % trên tổng dư nợ của Tài khoản thẻ hoặc một số tiền cố định dùng để quy ra số tiền tối thiểu cần phải thanh toán. Chủ thẻ có thể đăng ký Định mức thanh toán tối thiểu theo công bố của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
21. **Ngày đến hạn**: là ngày cuối cùng mà Chủ thẻ phải thanh toán toàn bộ Dư nợ cuối kỳ hoặc Khoản thanh toán tối thiểu được ghi trên Bảng sao kê hàng tháng.
22. **Hạn mức tín dụng thẻ**: là hạn mức tín dụng toàn hoàn được Ngân hàng cấp cho Chủ thẻ trong một thời hạn nhất định thông qua việc phát hành thẻ, Chủ thẻ có thể thực hiện các giao dịch bằng Thẻ trong phạm vi hạn mức tín dụng thẻ tối đa được cấp.
23. **Chữ ký điện tử**: là chữ ký được tạo lập dưới dạng dữ liệu điện tử gắn liền hoặc kết hợp một cách lô gíc với thông điệp dữ liệu để xác nhận chủ thẻ ký và khẳng định sự chấp thuận của chủ thẻ đó đối với thông điệp dữ liệu.
24. **Chữ ký số**: là chữ ký điện tử sử dụng thuật toán khóa không đối xứng, gồm khóa bí mật và khóa công khai, trong đó khóa bí mật được dùng để ký số và khóa công khai được dùng để kiểm tra chữ ký số. Chữ ký số bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và tính chống chối bỏ nhưng không bảo đảm tính bí mật của thông điệp dữ liệu

25. **Các hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử:** là việc sử dụng các hình thức xác nhận khác bằng phương tiện điện tử do Ngân hàng triển khai áp dụng từng thời kỳ để thể hiện sự chấp thuận của Khách hàng ký đối với thông điệp dữ liệu mà không phải là chữ ký điện tử.
26. **Xác nhận giao dịch điện tử (sau đây gọi là xác nhận giao dịch):** là hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử để thể hiện sự chấp thuận của Chủ thẻ đối với các thông điệp dữ liệu trong giao dịch điện tử được Ngân hàng triển khai từng thời kỳ.
27. **Sinh trắc học:** Là những thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học cá biệt và ổn định của một người để nhận diện, phân biệt người này với người khác như: ảnh khuôn mặt, vân tay, mống mắt, giọng nói, và các yếu tố sinh trắc học khác.
28. **Ngày làm việc:** có nghĩa là ngày làm việc thực tế của Ngân hàng (không bao gồm các ngày nghỉ, lễ, Tết).
29. **Chủ sở hữu hưởng lợi:**
- Là Cá nhân sở hữu thực tế một tài khoản hoặc chi phối hoạt động của tài khoản đó, cá nhân thiết lập mối quan hệ với Ngân hàng và thực tế chi phối mối quan hệ đó;
 - Cá nhân có quyền chi phối tổ chức:
 - Là Cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% vốn điều lệ trở lên của tổ chức đó hoặc cá nhân cuối cùng có quyền chi phối tổ chức đó; hoặc
 - Là Cá nhân là người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó, trừ trường hợp cá nhân đại diện vốn nhà nước trong tổ chức; hoặc
 - Là Cá nhân là người được công bố chủ sở hữu hưởng lợi của tổ chức trong trường hợp tổ chức là doanh nghiệp đã niêm yết trên các thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài.
 - Cá nhân có quyền chi phối một thỏa thuận pháp lý: Là Bên ủy thác, Bên nhận ủy thác; người thụ hưởng, các bên có liên quan (nếu có), cá nhân có quyền kiểm soát cuối cùng đối với ủy thác.

Điều 3. Các loại phí phát hành và sử dụng thẻ

Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang các khoản phí và Ngân hàng có toàn quyền ghi nợ vào Tài khoản hoặc bất kỳ tài khoản nào của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng mà không cần phải có bất kỳ sự thông báo, yêu cầu, xác nhận và chấp thuận của Chủ thẻ để thu các khoản phí, bao gồm các loại phí sau:

- Phí phát hành thẻ:** là phí ban đầu khi khách hàng đề nghị cấp Thẻ và được Ngân hàng chấp thuận.
- Phí thường niên:** là phí định kỳ duy trì Thẻ hàng năm.
- Phí rút tiền mặt** là phí được tính ngay lập tức khi thực hiện giao dịch, được tính trên số tiền ghi nợ của Giao dịch rút tiền mặt. Phí này chưa bao gồm các phí được thu tại ĐVCNT hoặc tại ATM của ngân hàng khác.
- Phí xử lý giao dịch rút tiền mặt tại ngân hàng khác:** được tính trên số tiền ghi nợ của Giao dịch rút tiền mặt khi người sử dụng thẻ rút tiền mặt tại ngân hàng khác.

5. **Phí vượt hạn mức tín dụng thẻ:** được tính trên số dư nợ vượt hạn mức tín dụng thẻ theo một tỷ lệ hoặc theo một mức phí cố định theo biểu phí do Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ (không áp dụng thu Phí vượt hạn mức tín dụng thẻ nếu số ngày quá hạn từ 91 ngày trở lên).
6. **Phí chậm thanh toán:** là khoản phí được thu khi Chủ thẻ không thanh toán dư nợ hoặc thanh toán dư nợ ít hơn Khoản thanh toán tối thiểu trong thời hạn thanh toán hoặc thanh toán dư nợ không đúng hạn. Phí được tính theo tỷ lệ % trên Số tiền thanh toán tối thiểu chậm thanh toán và thu một lần/mỗi kỳ sao kê (không áp dụng thu phí chậm thanh toán nếu số ngày quá hạn từ 91 ngày trở lên).
7. **Phí thay thế thẻ:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu thay thế Thẻ trước ngày hết hạn của Thẻ.
8. **Phí thất lạc thẻ:** được tính khi Thẻ bị thất lạc/mất cắp và Chủ thẻ thông báo cho Ngân hàng để thực hiện khóa thẻ theo Bản Điều khoản và Điều kiện này.
9. **Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, điện thoại, Internet:** được tính khi người sử dụng thẻ đặt hàng, dịch vụ và có xác nhận của Ngân hàng khi thực hiện giao dịch thẻ.
10. **Phí thay đổi hạn mức tín dụng thẻ:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu và được Ngân hàng chấp thuận tăng hay giảm hạn mức tín dụng thẻ.
11. **Phí chuyển đổi hình thức và/hoặc tài sản đảm bảo sử dụng Thẻ:** được tính khi Chủ thẻ có yêu cầu chuyển đổi hình thức và/hoặc tài sản đảm bảo Thẻ.
12. **Phí xác nhận theo yêu cầu Chủ thẻ:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu xác nhận hạn mức tín dụng thẻ, tình trạng Tài khoản.
13. **Phí cấp bản sao bảng sao kê giao dịch:** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu cấp thêm bản sao ngoài Bảng sao kê mà Ngân hàng đã gửi cho Chủ thẻ hàng tháng.
14. **Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch (HĐGD):** được tính khi Chủ thẻ yêu cầu cấp bản sao HĐGD ngoài HĐGD Chủ thẻ đã nhận tại ĐVCNT.
15. **Phí cấp lại PIN:** được tính khi người sử dụng thẻ yêu cầu cấp lại PIN mới.
16. **Phí khiếu nại:** được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không đúng hay không chính xác giao dịch thẻ.
17. **Phí giao dịch ngoại tệ:** áp dụng cho các giao dịch thẻ khác Việt Nam đồng, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch được ghi nợ/có vào Tài khoản. Phí này được tính gộp vào số tiền giao dịch quy đổi và được ghi nợ/có vào Tài khoản.
18. **Phí xử lý giao dịch tại đại lý nước ngoài:** áp dụng cho các giao dịch thẻ bằng Việt Nam đồng tại các đại lý ở nước ngoài, được tính trên số tiền giao dịch quy đổi vào ngày giao dịch được ghi nợ/có vào Tài khoản thẻ, Phí này được tính gộp vào số tiền giao dịch quy đổi và được ghi nợ/có vào tài khoản thẻ.
19. **Phí không thực hiện giao dịch:** là các phí dịch vụ, thuế (nếu có) mà Chủ thẻ phải thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ theo quy định do Chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước mà không sử dụng dịch vụ hoặc không được bên cung cấp dịch vụ chấp nhận hủy việc sử dụng dịch vụ đó.
20. **Phí quản lý Tài khoản thẻ:** được tính khi Tài khoản thẻ vẫn duy trì số dư có sau 15 ngày kể từ ngày Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ.
21. **Phí dịch vụ đặc biệt:** là khoản phí thu khi Chủ thẻ có đăng ký địa chỉ email với Ngân hàng nhưng yêu cầu gửi bảng sao kê giao dịch qua bưu điện và phí thay thế thẻ lần 2 trở đi trong một chu kỳ sử dụng Thẻ.
22. **Phí quản lý Tài khoản thẻ:** được tính khi Tài khoản thẻ vẫn duy trì số dư có sau 15 ngày kể từ ngày Chủ thẻ yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ

23. **Các loại phí khác:** được Ngân hàng thông báo tại từng thời điểm theo các hình thức quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện này.

Chi tiết của tất cả các loại phí nêu trên được quy định tại biểu phí áp dụng cho Thẻ được Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ. Ngân hàng có quyền thay đổi Biểu phí áp dụng trong quá trình Chủ thẻ sử dụng Thẻ. Các thay đổi này sẽ được Ngân hàng thông báo cho Chủ thẻ tối thiểu 07 ngày trước ngày hiệu lực, theo các phương thức quy định tại Điều 19 của Bản Điều khoản và Điều kiện này. Thời điểm áp dụng thay đổi cụ thể sẽ được nêu rõ trong thông báo gửi tới Chủ thẻ.

Điều 4. Lãi suất, phương pháp tính lãi

1. Lãi suất và phương pháp tính lãi thẻ tín dụng

- a. Ngân hàng sẽ thông báo cho Chủ thẻ trong trường hợp Ngân hàng có điều chỉnh về mức lãi suất áp dụng. Mức lãi suất điều chỉnh nêu tại Điểm a này sẽ được áp dụng sau 7 ngày kể từ thời điểm Ngân hàng thực hiện thông báo về việc điều chỉnh lãi suất cho Chủ thẻ.
- b. Phương pháp tính lãi: tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi của một Kỳ sao kê được tính toán như sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \Sigma (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất tính lãi}) / 365$$

Trong đó:

- i. Số dư thực tế: là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn mà Chủ thẻ còn phải trả cho Ngân hàng được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng và quy định của pháp luật.
 - ii. Số dư nợ gốc bao gồm phí, các giao dịch rút tiền mặt, giao dịch trả góp, giao dịch thanh toán.
 - iii. Số ngày duy trì số dư thực tế: được xác định tương ứng với từng loại hình giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
 - iv. Lãi suất tính lãi: là mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.
2. Các khoản dư nợ của Chủ thẻ sẽ được áp dụng lãi suất theo cách sau:
- a. Đối với giao dịch rút tiền mặt: ngoài Phí rút tiền mặt, Ngân hàng sẽ tính lãi đối với số tiền ghi nợ từ ngày Giao dịch rút tiền mặt được thực hiện cho đến ngày liền kề trước ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền ghi nợ phát sinh từ Giao dịch rút tiền mặt. Nếu chủ thẻ không thanh toán hay chỉ thanh toán một phần số dư nợ rút tiền mặt trong kỳ, dư nợ còn lại (gốc, phí) sẽ tiếp tục được tính lãi theo quy định tại Điều này này cho đến khi được thanh toán hết. Việc tính lãi nêu trên không phụ thuộc vào ngày lập Bảng sao kê và ngày đến hạn thanh toán.
 - b. Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ:
 - i. Nếu Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số Dư nợ cuối kỳ trước 17:00 giờ của Ngày đến hạn thanh toán được thông báo trên Bảng sao kê và thỏa đồng thời một trong các trường hợp (1) Dư nợ đầu kỳ của kỳ sao kê bằng 0 hoặc dư có; hoặc (2) Chủ thẻ không thuộc trường hợp bị tính lãi ở 2 kỳ sao kê liền trước. Chủ thẻ sẽ được Ngân hàng miễn lãi đối với tất cả các giao dịch Chủ thẻ đã thực hiện được liệt kê trong Bảng sao kê đó.

- ii. Nếu Chủ thẻ chỉ thanh toán một phần dư nợ hoặc thanh toán toàn bộ số Dư nợ cuối kỳ được thông báo trên Bảng sao kê không đúng theo thời hạn quy định thì: Lãi suất sẽ được áp dụng đối với tất cả các khoản tiền ghi nợ phát sinh được liệt kê trong Bảng sao kê đó và bất kỳ khoản tiền ghi nợ mới phát sinh trong Bảng sao kê liền kề sau đó (Các khoản tiền ghi nợ là các giao dịch thẻ và các khoản phí phát sinh trên tài khoản thẻ nếu có). Lãi suất được tính kể từ ngày phát sinh giao dịch cho đến và bao gồm ngày liền trước ngày Chủ thẻ thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ của giao dịch đó
- iii. Số tiền lãi Chủ thẻ phải trả sẽ được thông báo trên Bảng sao kê liền kề sau đó
- c. Đối với giao dịch tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ: lãi đối với các giao dịch có tra soát của Chủ thẻ chưa thanh toán cũng được tính theo nguyên tắc của giao dịch quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này. Ngân hàng sẽ hoàn lãi cho Chủ thẻ đối với những giao dịch có tra soát, khiếu nại đúng.
- 3. Lãi suất quá hạn: trường hợp khoản nợ Thẻ bị chuyển nợ quá hạn, thì Chủ Thẻ phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- 4. Lãi suất chậm trả lãi: áp dụng đối với khoản lãi chậm trả với mức lãi suất áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên khoản lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả hoặc theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 5. Chủ thẻ đồng ý rằng, tất cả các khoản phí, phạt (nếu có) phát sinh trong quá trình Chủ thẻ sử dụng thẻ tín dụng nếu không được chủ thẻ thanh toán đúng hạn sẽ được tính vào dư nợ thẻ tín dụng, lãi suất áp dụng đối với phần dư nợ này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều này.

Điều 5. Quản lý Thẻ, PIN, Mã OTP và các hình thức xác nhận giao dịch điện tử

- 1. Thẻ là tài sản của Ngân hàng vì vậy Chủ thẻ và người sử dụng thẻ không được phép chuyển nhượng Thẻ cho người khác và phải bảo quản, cất giữ Thẻ.
- 2. Thời hạn hiệu lực của Thẻ: Thẻ có thời hạn sử dụng tối đa 36 tháng (03 năm) kể từ tháng phát hành. Thời hạn hiệu lực của Thẻ phụ bằng với thời hạn hiệu lực còn lại của Thẻ chính.
- 3. Thời hạn hạn mức tín dụng thẻ: Hạn mức tín dụng thẻ có thời hạn tối đa 36 tháng. Ngân hàng sẽ thực hiện tái đánh giá Khách hàng định kỳ và thực hiện tái cấp hạn mức tín dụng thẻ cho Khách hàng khi đáp ứng đủ điều kiện.
- 4. Tái cấp hạn mức tín dụng thẻ: Ngân hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ thông báo về việc tái cấp thẻ tín dụng qua thư, điện thoại hoặc các hình thức khác cho Chủ thẻ trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày hết hạn hạn mức thẻ tín dụng.
- 5. Phương thức chuyển giao Thẻ và PIN, thông báo giữa Ngân hàng và Chủ thẻ: Ngân hàng có quyền chuyển Thẻ và PIN hoặc thông báo cho Chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ theo địa chỉ đã đăng ký bằng bất cứ hình thức chuyển giao nào mà Ngân hàng cho rằng an toàn và phù hợp. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc Thẻ và PIN bị thất lạc, bị mất, bị đánh cắp hay lạm dụng trong trường hợp này.
- 6. Người sử dụng thẻ khi nhận được Thẻ phải ký vào mặt sau của Thẻ để bảo vệ Thẻ của mình. Khi sử dụng Thẻ để rút tiền mặt (tại các điểm rút tiền mặt) hoặc thanh toán hàng hóa, dịch vụ, Người sử dụng thẻ phải ký trên hóa đơn giống chữ ký này trừ những giao dịch được thực hiện bằng đơn đặt hàng qua thư, điện thoại,

Internet hoặc các loại hình khác được sự chấp thuận của Ngân hàng mà không yêu cầu có chữ ký của người sử dụng thẻ.

7. Người sử dụng thẻ chịu trách nhiệm bảo mật và là người duy nhất được sử dụng Thẻ, PIN và/hoặc Mã OTP/các hình thức xác nhận giao dịch điện tử kể từ thời điểm Ngân hàng cung cấp. Bất kỳ sự sử dụng Thẻ để thực hiện giao dịch thẻ với PIN và/hoặc Mã OTP/ các hình thức xác nhận giao dịch điện tử do Ngân hàng cấp, dù là do chính người sử dụng thẻ thực hiện hay bất kỳ người nào khác (vì khác nguyên nhân do bị đánh cắp hoặc lộ thông tin hoặc các nguyên nhân khách quan khác) đều được xem là do chính người sử dụng thẻ thực hiện.
8. Trong trường hợp Thẻ bị mất, bị đánh cắp hoặc Thẻ hoặc Thẻ đã bị sử dụng bởi một người nào khác mà không phải Chủ thẻ thì chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ phải thông báo ngay lập tức bằng điện thoại hoặc văn bản cho Ngân hàng. Chủ thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch thẻ đã thực hiện trước khi Ngân hàng xác nhận việc đã xử lý thông báo nhận được từ Chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ về việc Thẻ bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc chi tiết Thẻ (PIN và/hoặc Mã OTP/các hình thức xác nhận giao dịch điện tử của thẻ) bị lạm dụng, ví dụ như giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả bởi bất kỳ người nào. Trong bất kỳ trường hợp nào, Chủ thẻ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn cho việc sử dụng Thẻ kể cả Chủ thẻ đã hành động gian lận hay do sơ suất trong việc sử dụng hay giữ an toàn Thẻ và chi tiết Thẻ. Chủ thẻ phải cung cấp ngay lập tức bất kỳ thông tin hay bằng chứng, bao gồm các thông tin về thời gian bị mất Thẻ, địa điểm bị mất Thẻ, các giao dịch thực hiện cuối cùng và các thông tin khác theo yêu cầu hợp lý của Ngân hàng để hỗ trợ cho việc điều tra về lạm dụng Thẻ. Chủ thẻ phải thông báo và đề nghị cấp lại Thẻ bằng văn bản hoặc điện thoại cho Ngân hàng. Ngân hàng sẽ xem xét và quyết định cấp lại Thẻ. Nếu tìm lại hoặc thu hồi được Thẻ bị mất, bị lộ PIN (mà Chủ thẻ đã thông báo cho Ngân hàng), Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ này mà phải cắt đôi Thẻ và gửi lại cho Ngân hàng. Phí thay thế Thẻ sẽ được ghi nợ lên Tài khoản của Chủ thẻ để thanh toán phí thay thế Thẻ và chi phí có liên quan khác.
9. Nếu Thẻ bị giữ tại ATM/ĐVCNT, Chủ thẻ phải đề nghị Ngân hàng khóa Thẻ và cấp lại thẻ.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của Chủ thẻ

1. Chủ thẻ có quyền được dùng Thẻ để Giao dịch rút tiền mặt và thực hiện các giao dịch khác do Ngân hàng quy định tại tất cả các ATM/ĐVCNT thuộc hệ thống của Ngân hàng và các ATM/ĐVCNT thuộc mạng lưới của tổ chức thẻ mà Ngân hàng có liên kết.
2. Chủ thẻ có quyền được dùng Thẻ để Giao dịch thanh toán tại tất cả các ĐVCNT của Ngân hàng và các Ngân hàng khác thuộc mạng lưới của tổ chức thẻ mà Ngân hàng có liên kết.
3. Chủ thẻ được quyền mở hoặc chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng mà không cần sự đồng ý của người sử dụng thẻ.
4. Chủ thẻ ủy quyền, cho phép Người sử dụng thẻ được quyền thực hiện các giao dịch thẻ trong hạn mức tín dụng thẻ được cấp.
5. Người sử dụng thẻ được quyền kiểm tra, thắc mắc về các vấn đề xảy ra khi sử dụng Thẻ, được quyền yêu cầu khóa thẻ tạm thời, khóa thẻ vĩnh viễn và cấp lại PIN.
6. Chủ thẻ có quyền khiếu nại Ngân hàng trong trường hợp Ngân hàng vi phạm các quy định của pháp luật và Bản Điều khoản và Điều kiện này.

7. Chủ thẻ có quyền tra soát, khiếu nại về các giao dịch và dịch vụ liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định tại Điều 16 Bản Điều khoản và điều kiện này. Người sử dụng thẻ chỉ được quyền tra soát, khiếu nại về các giao dịch và dịch vụ liên quan đến thẻ tín dụng.
8. Chủ thẻ có quyền yêu cầu Ngân hàng cung cấp thông tin liên quan đến số dư, lịch sử giao dịch thẻ tín dụng và các thông tin khác có liên quan.
9. Trong một số trường hợp đặc biệt, Chủ thẻ và/hoặc người sử dụng thẻ phải điền đầy đủ thông tin vào Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp, Giấy xác nhận áp dụng cho việc nhận Thẻ, PIN và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và gửi lại cho Ngân hàng. Ngân hàng sẽ thông báo cho Chủ thẻ và người sử dụng thẻ khi yêu cầu Chủ thẻ và người sử dụng thẻ xác nhận theo hình thức này.
10. Chủ thẻ khi mở Thẻ có trách nhiệm đến địa điểm giao dịch của Ngân hàng nhận Thẻ. Trong vòng 45 ngày kể từ ngày mở Thẻ nếu Chủ thẻ không đến Ngân hàng nhận Thẻ, PIN thì Thẻ, PIN sẽ bị hủy và Chủ thẻ sẽ chịu các chi phí phát sinh (nếu có). Các khoản phí đã thanh toán cho Ngân hàng trước thời điểm Thẻ, PIN bị hủy sẽ không được hoàn lại với bất cứ lý do gì.
11. Chủ thẻ cam kết những nội dung như sau:
 - a. Đồng ý nhận sao kê giao dịch hàng tháng qua email đăng ký trên Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp. Các chỉ thị của Chủ thẻ thông qua số điện thoại đã đăng ký (bao gồm nhưng không giới hạn ở chỉ thị kích hoạt Thẻ tín dụng) sẽ có giá trị ràng buộc giữa Chủ thẻ và Ngân hàng.
 - b. Tuân theo các yêu cầu của Ngân hàng khi kiểm tra các thông tin của Chủ thẻ.
 - c. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các giấy tờ cá nhân cung cấp cho Ngân hàng để mở Thẻ.
 - d. Thực hiện theo toàn bộ các yêu cầu của Ngân hàng, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và thông tin cần thiết trong quá trình thực hiện các giao dịch thẻ, giải quyết khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến giao dịch thẻ.
 - e. Không sử dụng Thẻ vào các giao dịch thẻ hoặc các mục đích trái với quy định pháp luật. Chủ thẻ chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu sử dụng Thẻ cho những giao dịch vi phạm pháp luật và/hoặc quy định của Ngân hàng. Ngân hàng có quyền từ chối hoặc hủy bỏ đối với những giao dịch này.
 - f. Khi bật tính năng giao dịch trực tuyến, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng thực hiện xác nhận (chủ thẻ không phải thực hiện thêm bước xác nhận giao dịch) đối với thẻ phát hành (phát hành mới/thay thế/gia hạn) hoặc khi chủ thẻ yêu cầu tính năng giao dịch thẻ trực tuyến qua tất cả các kênh do Ngân hàng triển khai:
 - (i) các giao dịch thẻ trực tuyến theo chính sách, hạn mức giao dịch của Ngân hàng áp dụng từng thời kỳ và
 - (ii) các giao dịch thẻ trực tuyến mà tổ chức thanh toán thẻ không yêu cầu xác nhận.

Việc chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng xác nhận giao dịch thẻ trực tuyến không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ và cam kết của chủ thẻ đối với các giao dịch thẻ trực tuyến được Ngân hàng thực hiện xác nhận. Nếu không đồng ý Ngân hàng tự động xác nhận các giao dịch thẻ trực tuyến nêu trên, Chủ thẻ thực hiện tất tính năng giao dịch trực tuyến.

12. Chủ thẻ chịu toàn bộ các rủi ro phát sinh khi thực hiện các giao dịch thẻ thông qua các kênh thanh toán trên Internet, mọi vấn đề liên quan đến hàng hóa, dịch vụ, giao dịch thanh toán và những vấn đề khác có liên quan trực tiếp với ĐVCNT. Bất kể có tranh chấp gì xảy ra giữa Chủ thẻ và ĐVCNT cũng không giải trừ Chủ thẻ ra khỏi nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.
13. Chủ thẻ chịu mọi trách nhiệm và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch do người sử dụng thẻ thực hiện.
14. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch và những khoản phí liên quan đến giao dịch thẻ được thực hiện bằng chữ ký kể cả trường hợp người sử dụng thẻ ký chữ ký không giống với chữ ký đã đăng ký hoặc không ký xác nhận lên hóa đơn giao dịch.
15. Người sử dụng thẻ đồng ý nhận các các tin nhắn cảnh báo giao dịch thẻ từ Ngân hàng qua số điện thoại đăng ký trên Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp.
16. Khi thông báo việc chấm dứt sử dụng Thẻ cho Ngân hàng, Chủ thẻ không được sử dụng lại Thẻ đã đề nghị hủy. Chủ thẻ sẽ tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch, phí, tiền lãi, tiền phạt và bất kỳ khoản bồi thường thiệt hại nào (nếu có) phát sinh từ việc sử dụng thẻ trước hoặc sau thời điểm chấm dứt sử dụng Thẻ.
17. Chủ thẻ khi thực hiện các giao dịch thẻ phải chịu phí và lãi suất theo biểu phí và lãi suất theo quy định của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ và được thu theo phương thức được quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.
18. Chủ thẻ có trách nhiệm phải thông báo ngay lập tức cho Ngân hàng những thay đổi về thông tin Chủ thẻ bao gồm thay đổi về địa chỉ và/hoặc các thông tin liên lạc, những thông tin khác mà Ngân hàng yêu cầu trong từng thời kỳ.
19. Chủ thẻ có trách nhiệm hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Ngân hàng theo yêu cầu của Ngân hàng đối với các giao dịch mà Chủ thẻ rút thừa, giao dịch ghi có nhầm vào Tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại tại ATM và ĐVCNT đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhầm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. Chủ thẻ đồng ý để Ngân hàng tự động ghi nợ để thu hồi các khoản tiền này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ.
20. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng các giao dịch, phí, lãi do việc sử dụng Thẻ theo Bảng sao kê mà Ngân hàng lập và gửi cho Chủ thẻ. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc nhận trễ sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các giao dịch, phí, lãi được phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo quy định.
21. Chủ thẻ chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng thẻ phát sinh sau khi Ngân hàng đã tư vấn khóa thẻ/đổi PIN/cấp lại thẻ nhưng chủ thẻ không đồng ý thực hiện hoặc chưa thực hiện.
22. Chủ thẻ chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro, tranh chấp, thiệt hại phát sinh liên quan đến giao dịch thực hiện thông qua CHIP và/hoặc các giao dịch thanh toán trực tuyến có sử dụng dịch vụ xác thực.
23. Chủ thẻ có nghĩa vụ cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu khi được Ngân hàng yêu cầu và đồng ý cho Ngân hàng toàn quyền sử dụng và quyết định việc cung cấp thông tin và tài liệu của Chủ thẻ theo quy định của pháp luật.
24. Chủ thẻ có quyền yêu cầu Ngân hàng hoàn trả lại số tiền dư có trên thẻ chưa sử dụng hết.
25. Chủ thẻ cam đoan và bảo đảm các nội dung sau đây:

- a. Đồng ý cho Ngân hàng sử dụng và cung cấp thông tin của khách hàng cho Công Ty Cổ Phần Thông Tin Tín Dụng Việt Nam (PCB), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296, đăng ký lần đầu ngày 27/11/2007 và các tổ chức khác mà Ngân hàng tham gia, sử dụng dịch vụ. Thông tin cung cấp bao gồm nhưng không hạn chế là dữ liệu, số liệu, dữ kiện tín dụng liên quan của khách hàng tại Ngân hàng. Việc cung cấp thông tin phải đảm bảo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan. Trong trường hợp PCB (và/hoặc các tổ chức khác) bị thu hồi Giấy chứng nhận, Ngân hàng sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng và khách hàng đồng ý thông tin tín dụng của khách hàng được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Ngân hàng có trách nhiệm thông báo với khách hàng về việc xử lý thông tin tín dụng của khách hàng trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông báo về phương án xử lý thông tin tín dụng.
- b. Đã hiểu và biết rõ rằng: (i) Thông tin tín dụng được cung cấp bao gồm dữ liệu cá nhân nhạy cảm theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; (ii) Thông tin tín dụng gồm dữ liệu cá nhân nhạy cảm đó được thu thập, xử lý, và lưu trữ trong thời gian tối thiểu 05 (năm) năm nhằm mục đích tạo lập các sản phẩm thông tin tín dụng bởi các phần mềm chuyên dụng của các tổ chức cung cấp thông tin tín dụng; và (iii) Mọi sự đồng ý của Chủ thẻ tại Hợp Đồng là dựa trên cơ sở tự nguyện và hiểu biết rõ ràng về các quyền của Chủ thẻ theo các quy định pháp luật có liên quan.
- c. Đồng ý cho Ngân hàng cung cấp thông tin, số điện thoại của khách hàng cho bên thứ ba/ đối tác của Ngân hàng để triển khai dịch vụ cho khách hàng; đồng ý tiếp nhận tin nhắn/cuộc gọi thoại liên quan đến dịch vụ cung cấp từ Ngân hàng và/hoặc bên thứ ba là các công ty viễn thông/công ty công nghệ thông tin... theo số điện thoại mà Khách Hàng đã cung cấp cho Ngân hàng.
- d. Đồng ý cho Ngân hàng sử dụng và cung cấp thông tin của khách hàng, người liên quan, cho bên thứ ba theo quyết định của Ngân hàng. Trong đó bao gồm việc Ngân hàng thu thập và chuyển giao thông tin của Chủ thẻ cho đối tác cung cấp chữ ký điện tử để phục vụ việc xác lập chữ ký điện tử của Chủ thẻ trên (các) Hợp đồng, giao dịch với Ngân hàng.
- e. Nhận sao kê giao dịch hàng tháng và các tin nhắn cảnh báo giao dịch thẻ từ Ngân hàng qua số điện thoại và email đăng ký theo Hợp đồng. Các chỉ thị của Chủ thẻ thông qua số điện thoại đã đăng ký (bao gồm nhưng không giới hạn ở chỉ thị kích hoạt Thẻ tín dụng) sẽ có giá trị ràng buộc giữa Chủ thẻ và Ngân hàng.
- f. Thẻ đã được kích hoạt thành công, có thể sử dụng trước khi chủ thẻ thực nhận thẻ nên có thể phát sinh các rủi ro từ hoặc có liên quan đến thẻ đã được kích hoạt, bao gồm nhưng không giới hạn như lộ thông tin, gian lận ...bởi bên thứ 3 bất kỳ, Chủ thẻ theo đây cam kết và bảo đảm chịu mọi trách nhiệm đối với (các) giao dịch thẻ kể từ khi được kích hoạt, bao gồm cả rủi ro, tổn thất từ hoặc có liên quan đến việc chủ thẻ chưa nhận được thẻ.
- g. Tuân theo các yêu cầu của Ngân hàng khi kiểm tra các thông tin của Chủ thẻ.
- h. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của các giấy tờ cá nhân cung cấp cho Ngân hàng để mở Thẻ.
- i. Chịu trách nhiệm bảo mật Mã đăng nhập, mật khẩu, mã OTP và các yếu tố định danh khác đã đăng ký và/hoặc do Ngân hàng cấp. Đồng thời, phải có biện pháp hợp lý để ngăn chặn việc sử dụng trái phép các

thông tin bảo mật trên. Chủ thẻ chịu mọi rủi ro (nếu có) phát sinh từ việc thông tin khách hàng bị lộ, bị đánh cắp, bị lợi dụng vì bất cứ lý do gì.

- j. Chịu trách nhiệm bảo quản các thiết bị điện tử được dùng để sử dụng các Ứng dụng NHĐT. Đảm bảo đăng xuất khỏi ứng dụng NHĐT sau khi thực hiện xong giao dịch.
 - k. Thực hiện theo toàn bộ các yêu cầu của Ngân hàng, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và thông tin cần thiết trong quá trình thực hiện các giao dịch thẻ, giải quyết khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến giao dịch thẻ.
 - l. Không sử dụng Thẻ vào các giao dịch thẻ hoặc các mục đích trái với quy định pháp luật. Chủ thẻ chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu sử dụng Thẻ cho những giao dịch vi phạm pháp luật và/hoặc quy định của Ngân hàng. Ngân hàng có quyền từ chối hoặc hủy bỏ đối với những giao dịch này.
26. Trong quá trình mở và sử dụng thẻ thì Chủ thẻ không được thực hiện các hành vi:
- a. Làm, sử dụng, chuyển nhượng và lưu hành thẻ giả.
 - b. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện để người khác thực hiện các hành vi giao dịch thẻ gian lận, giả mạo; giao dịch thanh toán không tại ĐVCNT.
 - c. Lấy cắp, thông đồng để lấy cắp thông tin thẻ; tiết lộ và cung cấp thông tin thẻ, chủ thẻ và giao dịch thẻ không đúng quy định của pháp luật.
 - d. Sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.
 - e. Mua, bán, thuê, cho thuê thẻ hoặc thông tin thẻ, mở hộ thẻ.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của Ngân hàng

- 1. Ngân hàng được quyền thu thập, sử dụng và kiểm tra thông tin Khách hàng cung cấp để quyết định đồng ý hay từ chối cấp Thẻ.
- 2. Ngân hàng có quyền được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với Chủ thẻ trong các trường hợp sau:
 - a. Hệ thống gặp sự cố hoặc báo lỗi và nằm ngoài khả năng của Ngân hàng.
 - b. Ngân hàng, ATM, POS, ĐVCNT và/hoặc các phương tiện thanh toán khác từ chối thực hiện giao dịch thẻ hoặc từ chối PIN và/hoặc Mã OTP với bất kỳ lý do gì.
 - c. Xảy ra sự cố do sự kiện bất khả kháng như động đất, thiên tai lũ lụt và chiến tranh.
 - d. Các giao dịch thẻ được thực hiện hoặc các hậu quả xảy ra do sự gian lận, lừa đảo, giả mạo và/hoặc phá hoại.
 - e. Bất cứ giao dịch thẻ nào bị Ngân hàng, ĐVCNT và/hoặc Bên thứ ba từ chối thực hiện.
 - f. Thẻ không được đảm bảo an toàn hoặc bị lộ PIN do lỗi và/hoặc sơ suất của Chủ thẻ.
 - g. Việc giao hàng hoặc chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán thông qua giao dịch thẻ.
- 3. Ngân hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ quyết định việc thu hồi Thẻ, ngừng và/hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ Thẻ, ngăn chặn hoặc từ chối giao dịch thẻ và/hoặc khóa Thẻ ngay khi phát sinh các trường hợp sau đây:
 - a. Nghi ngờ Thẻ giả;
 - b. Nghi ngờ giao dịch Thẻ không phải là do Chủ thẻ thực hiện hoặc giao dịch đó trái với quy định pháp luật;
 - c. Nghi ngờ thông tin khách hàng cung cấp là giả mạo, không chính xác;

- d. Chủ thẻ vi phạm pháp luật và/hoặc các quy định của Ngân hàng;
 - e. Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - f. Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán dư nợ thẻ như được quy định tại Điều 6 của Bản Điều khoản và Điều kiện này.
4. Ngân hàng được toàn quyền cung cấp thông tin của Chủ thẻ/người sử dụng thẻ liên quan đến Thẻ, giao dịch thẻ cho bất kỳ bên thứ ba nào theo quyết định của Ngân hàng.
 5. Ngân hàng có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại, thắc mắc từ phía Chủ thẻ khi có các lỗi phát sinh từ phía Ngân hàng.
 6. Ngân hàng được phép quyết định thay đổi số thẻ và/hoặc ngày hết hạn khi phát hành lại Thẻ mới hoặc thay thế thẻ cho Chủ thẻ. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm thông báo sự thay đổi này cho bất kỳ bên nào mà Chủ thẻ có thể thực hiện thanh toán giao dịch. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả nào phát sinh từ giao dịch bị từ chối, dù là số Thẻ cũ hay trường hợp khác.
 7. Ngân hàng có quyền thực hiện việc ghi có và/hoặc ghi nợ trên Tài khoản liên quan đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ theo Bản Điều khoản và Điều kiện này và/hoặc vì bất cứ lý do gì nhằm điều chỉnh/khắc phục sai sót (nếu có) mà không cần thông báo trước và bất kể sự đồng ý của Chủ thẻ.
 8. Ngân hàng thực hiện việc phong tỏa số tiền trên Tài khoản hoặc tạm hoãn ghi có tiền vào Tài khoản khi có dấu hiệu không bình thường hoặc nghi ngờ giao dịch ghi có bị sai sót, không hợp lệ, ... nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản của Chủ thẻ.
 9. Khi đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền phải trả, Ngân hàng được toàn quyền áp dụng các biện pháp bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp sau để thu nợ:
 - a. Thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa: gửi tin nhắn, thư, gọi điện thoại.
 - b. Tự động trích hoặc yêu cầu trích các tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thu nợ
 10. Ngân hàng không có nghĩa vụ cung cấp hóa đơn giao dịch đối với giao dịch Easy Payment.
 11. Ngân hàng hoàn toàn không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đến danh dự, uy tín của Chủ thẻ phát sinh từ việc chấm dứt sử dụng Thẻ.

Điều 8. Phạm vi sử dụng thẻ

1. Chủ thẻ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam (bao gồm cả trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài); nạp, rút tiền mặt; thanh toán, rút tiền mặt ở nước ngoài, không được sử dụng Thẻ để chuyển khoản (hoặc ghi có) vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước hoặc các giao dịch khác trái với Quy định của Pháp luật, và chính sách của Ngân hàng ban hành từng thời kỳ. Ngân hàng có toàn quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thực hiện tăng hạn mức giao dịch theo đề nghị của Chủ thẻ.
2. Đối với hạn mức rút ngoại tệ tiền mặt tại nước ngoài, một thẻ được rút số ngoại tệ tiền mặt tối đa tương đương 30 (ba mươi) triệu đồng Việt Nam trong một ngày.
3. Thẻ chỉ được sử dụng để thực hiện giao dịch thẻ bằng phương tiện điện tử khi đã hoàn thành việc đối chiếu đảm bảo khớp đúng giấy tờ tùy thân và thông tin sinh trắc học của chủ thẻ

Điều 9. Yêu cầu dịch vụ thẻ theo phương thức điện tử

1. Chủ thẻ thông qua Ứng dụng NHĐT và/hoặc các phương thức điện tử khác được Ngân hàng triển khai từng thời kỳ để yêu cầu phát hành thẻ tín dụng hoặc các yêu cầu dịch vụ thẻ khác được Ngân hàng triển khai từng thời kỳ. Cách thức thực hiện cụ thể đối với từng yêu cầu dịch vụ thẻ sẽ được Ngân hàng triển khai áp dụng trong từng thời kỳ. Đồng thời sẽ có những hướng dẫn để Khách hàng tiếp cận và thực hiện qua các phương tiện truyền thông phù hợp.
2. Thẻ được phát hành theo phương thức điện tử bao gồm thẻ vật lý và thẻ phi vật lý.
3. Phương thức xác thực: là cách thức Ngân hàng xác thực khách hàng và các yêu cầu dịch vụ thẻ của khách hàng theo phương thức điện tử. Tùy từng trường hợp có thể là Tên Đăng Nhập, Mật Khẩu hoặc số Thẻ, mã PIN, mã OTP; hoặc chữ ký số hoặc phương thức khác phù hợp với Quy định của pháp luật
4. Bằng việc thực hiện yêu cầu dịch vụ thẻ theo phương thức điện tử, chủ thẻ hiểu rõ rằng trong một số trường hợp, chủ thẻ có thể bị Ngân hàng từ chối thực hiện yêu cầu dịch vụ thẻ theo phương thức điện tử mà không cần phải thông báo chi tiết nguyên nhân từ chối cho chủ thẻ. Để được tiếp tục thực hiện các yêu cầu dịch vụ thẻ, chủ thẻ cần liên hệ trực tiếp Ngân hàng qua số hotline của Ngân hàng hoặc đến các điểm giao dịch để thực hiện các yêu cầu dịch vụ thẻ.

Điều 10. Hạn mức sử dụng và Hạn mức giao dịch

1. Hạn mức sử dụng: là số tiền tối đa Chủ thẻ/ người sử dụng thẻ được phép sử dụng để thực hiện các giao dịch thẻ, tối đa bằng 105% tổng Hạn mức tín dụng thẻ được cấp. Khi Chủ thẻ sử dụng Thẻ giao dịch vượt tổng Hạn mức tín dụng thẻ được cấp, Ngân hàng sẽ áp dụng phí vượt hạn mức theo biểu phí hiện hành.
2. Khi Chủ thẻ đã sử dụng hết hạn mức sử dụng được Ngân hàng cho phép, Ngân hàng có quyền từ chối bất kỳ giao dịch nào và tạm dừng hoạt động của Thẻ mà không cần phải thông báo trước cho Chủ thẻ.
3. Chủ thẻ có thể đề nghị Ngân hàng xem xét tăng/giảm hạn mức tín dụng thẻ đã được cấp. Tùy vào nhận định của Ngân hàng trong từng thời kỳ dựa trên kết quả đánh giá tín dụng của Thẻ, năng lực tài chính của Chủ thẻ, Ngân hàng có quyền điều chỉnh hạn mức tín dụng Thẻ được cấp cho Chủ thẻ bằng việc thông báo theo các phương thức quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.
4. Hạn mức giao dịch: đối với giao dịch thẻ, Ngân hàng có quyền giới hạn giá trị của mỗi và/hoặc tổng các giao dịch trên Thẻ trong một ngày và/hoặc một chu kỳ giao dịch và/hoặc được thay đổi bởi Ngân hàng mà không cần phải thông báo cho Chủ thẻ.
5. **Hạn mức thanh toán:** là số tiền tối đa mà chủ thẻ tín dụng có thể sử dụng để thanh toán hoặc rút tiền mặt theo quy định của ngân hàng.
6. **Hạn mức rút tiền mặt:** là hạn mức tối đa mà khách hàng có thể rút tiền mặt bằng thẻ tín dụng trong phạm vi Hạn mức tín dụng thẻ đã được cấp và theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tổng hạn mức rút tiền mặt tính theo BIN của thẻ tín dụng tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong 01 tháng (hoặc hạn mức thấp hơn theo chính sách của Ngân hàng từng thời kỳ).

Điều 11. Bảng sao kê giao dịch

1. Bảng sao kê hàng tháng:
 - a. Chủ thẻ sẽ nhận Bảng sao kê liệt kê chi tiết các giao dịch thẻ, phí, lãi phát sinh trong kỳ giao dịch, các bút toán điều chỉnh (nếu có), tổng số dư nợ, số tiền tối thiểu phải thanh toán, ngày đến hạn thanh toán và các thông tin khác.

- b. Ngân hàng sẽ không gửi Bảng sao kê cho chủ thẻ trong các trường hợp sau:
- Dư có và không có phát sinh giao dịch trong kỳ;
 - Dư nợ bằng 0 và không phát sinh giao dịch trong kỳ;
 - Nợ xấu nhóm 3 hoặc đã được cơ cấu nợ;
 - Trường hợp khác theo quy định Ngân hàng từng thời kỳ.
2. Bảng sao kê được lập vào một ngày cố định trong tháng do Ngân hàng ấn định và thông báo cho Chủ thẻ. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày lập Bảng sao kê, nếu Chủ thẻ không có bất kỳ thông báo nào cho Ngân hàng thì được xem là Chủ thẻ đã nhận được Bảng sao kê và các chi tiết trên Bảng sao kê là đúng, Chủ thẻ đồng ý thanh toán toàn bộ dư nợ được ghi trên Bảng sao kê. Nếu Chủ thẻ có bất kỳ khiếu nại nào về giao dịch thể hiện trên Bảng sao kê, Chủ thẻ phải thông báo cho Ngân hàng để được giải quyết. Việc không nhận được hay nhận trễ Bảng sao kê sẽ không loại trừ trách nhiệm thanh toán dư nợ thẻ của Chủ thẻ.
3. Ngân hàng có quyền gửi Bảng sao kê cho Chủ thẻ theo bất kỳ hình thức nào mà Ngân hàng cho là phù hợp như gửi đến địa chỉ email mà Chủ thẻ đã đăng ký hoặc gửi bản giấy đến địa chỉ mà Chủ thẻ đã đăng ký nếu Chủ thẻ không đăng ký địa chỉ email.

Điều 12. Thanh toán dư nợ thẻ

- Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả số tiền nợ được ghi trên Bảng sao kê bao gồm tất cả các giao dịch của Thẻ chính và Thẻ phụ, lãi, phí phát sinh (nếu có) chậm nhất vào Ngày đến hạn được ghi trên Bảng sao kê hàng tháng ở mục “Thanh toán trước ngày”. Chủ thẻ có thể lựa chọn thanh toán Tổng số dư nợ thẻ, Khoản thanh toán tối thiểu hoặc một khoản tiền lớn hơn Khoản thanh toán tối thiểu cho Ngân hàng.
- Ngân hàng có quyền thay đổi thời gian yêu cầu Chủ thẻ thanh toán và sẽ thông báo cho Chủ thẻ theo bất kỳ hình thức nào mà Ngân hàng cho là phù hợp.
- Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, khoản thanh toán của Chủ thẻ sẽ được thanh toán theo thứ tự sau (hoặc theo bất kỳ thứ tự nào mà Ngân hàng cho là phù hợp):
 - Các khoản phí (nếu có);
 - Các khoản lãi (nếu có);
 - Dư nợ gốc (Giao dịch rút tiền mặt/ứng tiền linh hoạt (nếu có));
 - Dư nợ gốc (Giao dịch trả góp (nếu có));
 - Dư nợ gốc (Giao dịch thanh toán (nếu có)).Tuy nhiên, trường hợp Chủ thẻ không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán sau 90 ngày kể từ ngày đến hạn thì khoản tiền này sẽ được căn trừ theo thứ tự sau (hoặc theo bất kỳ thứ tự nào mà Ngân hàng cho là phù hợp):
 - Dư nợ gốc (Giao dịch rút tiền mặt/ứng tiền linh hoạt (nếu có));
 - Dư nợ gốc (Giao dịch trả góp (nếu có));
 - Dư nợ gốc (Giao dịch thanh toán (nếu có));
 - Các khoản phí (nếu có);
 - Các khoản lãi (nếu có).
- Các giao dịch thẻ được thực hiện bằng ngoại tệ (không phải Việt Nam Đồng) sẽ được quy đổi sang Việt Nam Đồng theo một tỷ giá do tổ chức thẻ quốc tế áp dụng vào ngày quy đổi cộng thêm phí giao dịch ngoại tệ do Ngân hàng quy định tùy theo từng thời điểm.

5. Nếu hạn thanh toán của kỳ sao kê rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ tết hoặc ngày nghỉ nội bộ của Ngân hàng thì Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán dư nợ Thẻ vào trước 17:00:00 giờ ngày làm việc liền trước hạn thanh toán nếu như Ngân hàng không chỉ định một thời hạn thanh toán nào khác. Nếu thanh toán sau thời gian này, Chủ thẻ phải chịu tất cả các khoản phí và lãi phát sinh (nếu có).

Điều 13. Thanh toán tự động dư nợ thẻ

1. Chủ thẻ có thể đăng ký dịch vụ Thanh toán tự động theo chỉ tiêu là toàn bộ dư nợ hoặc khoản thanh toán tối thiểu nếu có tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào mà Ngân hàng có thỏa thuận về việc ghi nợ tự động để thanh toán thẻ tín dụng. Chủ thẻ phải đảm bảo tài khoản được chỉ định để thanh toán tự động phải có đủ số dư trước ngày Ngân hàng thực hiện thanh toán tự động. Trong trường hợp tài khoản thanh toán không đủ số dư so với chỉ tiêu thanh toán tự động đã đăng ký, Ngân hàng sẽ thu toàn bộ số dư còn lại trên tài khoản để thanh toán dư nợ cho Thẻ, Chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho các khoản dư nợ thẻ hoặc khoản dư nợ còn lại đúng thời hạn thanh toán được ghi trên Bảng sao kê và chịu tất cả các khoản phí và lãi phát sinh nếu có.
2. Việc thanh toán tự động cho Thẻ được Ngân hàng thực hiện trước thời hạn thanh toán được ghi trên Bảng sao kê 01 (một) ngày. Nếu tài khoản thanh toán không đủ số dư vào ngày Ngân hàng thực hiện thanh toán tự động, Ngân hàng có thể hỗ trợ nhưng không có nghĩa vụ thực hiện thanh toán tự động lần thứ 02 (hai) vào ngày đến hạn thanh toán nhằm thu thêm khoản nợ còn thiếu so với chỉ tiêu Chủ thẻ đăng ký.
3. Trường hợp hạn thanh toán của kỳ sao kê rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ tết hoặc ngày nghỉ nội bộ của Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ thực hiện thanh toán tự động vào ngày làm việc liền trước ngày nghỉ, ngày lễ 02 (hai) ngày hoặc vào một ngày làm việc được Ngân hàng cho là phù hợp và sẽ thông báo trước cho Chủ thẻ. Nếu như Ngân hàng chỉ định một thời hạn thanh toán khác cho kỳ sao kê đó thì ngày thực hiện thanh toán tự động cũng được thay đổi theo và Ngân hàng sẽ thông báo trước cho Chủ thẻ.

Điều 14. Chuyển nợ quá hạn

1. Trong vòng 90 ngày kể từ Ngày đến hạn, nếu Chủ thẻ chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn số tiền thanh toán tối thiểu thì toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu chưa trả sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm đến hạn thanh toán.
2. Sau 90 ngày kể từ Ngày đến hạn, nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn giá trị thanh toán toàn bộ thì toàn bộ số dư nợ của chủ thẻ là nợ quá hạn và Ngân hàng sẽ áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng đối với khoản nợ này.

Điều 15. Vi phạm hợp đồng

1. Ngân hàng sẽ xem như Chủ thẻ đã vi phạm Hợp Đồng trong trường hợp Chủ thẻ không thanh toán ít nhất Khoản thanh toán tối thiểu cho đến kỳ phát hành Bảng sao kê tiếp theo hoặc vi phạm các quy định, nghĩa vụ đối với Chủ thẻ trong quá trình sử dụng thẻ. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một Tài khoản tại Ngân hàng thì việc vi phạm ở một Tài khoản sẽ được xem như vi phạm ở tất cả các Tài khoản khác.
Chủ thẻ ủy quyền và cho phép Ngân hàng có quyền trích tiền từ tất cả các tài khoản của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng hoặc tại bất kỳ tổ chức nào khác (nếu có) để thanh toán cho dư nợ thẻ mà không cần có sự đồng ý trước của Chủ thẻ.
2. Khi việc vi phạm Hợp đồng xảy ra, Ngân hàng có toàn quyền quyết định:
 - a. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu toàn bộ nợ;

- b. Giảm hạn mức tín dụng thẻ của Thẻ;
- c. Từ chối các giao dịch;
- d. Đồng ý hay từ chối cấp Thẻ cho Chủ thẻ cho dù Chủ thẻ có đáp ứng đủ điều kiện cấp Thẻ của Ngân hàng bao gồm việc cấp mới, phát hành lại, thay thế hoặc gia hạn Thẻ;
- e. Tiến hành áp dụng một hoặc nhiều biện pháp thu hồi nợ kể cả việc khởi kiện Chủ thẻ;
- f. Được Chủ thẻ ủy quyền thay mặt Chủ thẻ để ký bất kỳ/tất cả các tài liệu và thực hiện bất kỳ/tất cả các hành động cần thiết để thu nợ Chủ thẻ;
- g. Áp dụng lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều kiện tính lãi đối với toàn bộ dư nợ theo quy định được công bố của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- h. Đưa tên Chủ thẻ vào danh sách các Chủ thẻ vi phạm (hoặc các loại danh sách tương tự) của Ngân hàng, của bất cứ cơ quan nhà nước hoặc tổ chức nào khác theo quyền quyết định của Ngân hàng;
- i. Có quyền ưu tiên so với các chủ nợ khác trong việc, theo thủ tục hợp pháp, truy đòi bất kỳ khoản nợ bằng việc giữ lại bất kỳ số tiền hoặc bất kỳ tài sản được giữ bởi Ngân hàng;
- j. Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền trích nợ từ tài khoản đăng ký, các tài khoản tiền gửi khác của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng, sổ tiết kiệm của Chủ thẻ để thu nợ theo các phương thức được Ngân hàng lựa chọn mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ phía Chủ thẻ. Trong trường hợp xử lý sổ tiết kiệm là tài sản đảm bảo của Chủ thẻ hoặc trích nợ từ tiền gửi tiết kiệm của Chủ thẻ để thanh toán dư nợ, Ngân hàng được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước thời hạn gửi tiền của Chủ thẻ;
- k. Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền thu nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác hay bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ tại Ngân hàng mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ.
- l. Trong trường hợp Ngân hàng đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn chưa đủ để thu hồi hết nợ, Chủ thẻ vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng toàn bộ dư nợ còn lại.

Điều 16. Nghĩa vụ thuế Hoa Kỳ

- 1. Các dấu hiệu Hoa Kỳ theo quy định của Đạo luật Tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài của Hoa Kỳ (Đạo luật FATCA):
 - a. Khách hàng cá nhân: Là khách hàng cá nhân có mang một trong các dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ theo chi tiết như sau:
 - i. Công dân Hoa Kỳ hoặc người cư trú dài hạn có thẻ xanh hoặc người cư trú Hoa Kỳ (hiện diện/sống tại Hoa Kỳ hơn 31 ngày trong 01 năm và trên 183 ngày trong 03 năm);
 - ii. Nơi sinh tại Hoa Kỳ;
 - iii. Địa chỉ cư trú hay địa chỉ liên lạc tại Hoa Kỳ (bao gồm hòm thư bưu điện tại Hoa Kỳ);
 - iv. Số điện thoại tại Hoa Kỳ;
 - v. Có hơn một lệnh yêu cầu thanh toán vào hoặc nhận được từ một tài khoản được duy trì trong lãnh thổ Hoa Kỳ;
 - vi. Địa chỉ “nhờ chuyển thư” hay địa chỉ “giữ thư” mà địa chỉ đó là địa chỉ duy nhất đối với khách hàng tại Hoa Kỳ;
 - vii. Có ủy quyền cho người có địa chỉ tại Hoa Kỳ;
 - viii. Người liên quan của khách hàng cá nhân có một trong các yếu tố Hoa Kỳ của:

- Khách hàng cá nhân nêu trên (trường hợp Người liên quan là cá nhân); hoặc
 - Khách hàng tổ chức theo điểm b khoản 1 Điều này (trường hợp Người liên quan là tổ chức).
- b. Khách hàng tổ chức: Là khách hàng tổ chức có mang một trong các dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ theo chi tiết như sau:
- i. Công ty có giấy phép kinh doanh ở Hoa Kỳ và được sở hữu 100% bởi công dân Hoa Kỳ;
 - ii. Thành lập tại Hoa Kỳ;
 - iii. Địa chỉ văn phòng hay địa chỉ liên lạc tại Hoa Kỳ (bao gồm hòm thư bưu điện tại Hoa Kỳ);
 - iv. Số điện thoại tại Hoa Kỳ;
 - v. Có hơn một lệnh yêu cầu thanh toán vào hoặc nhận được từ một tài khoản được duy trì trong lãnh thổ Hoa Kỳ;
 - vi. Địa chỉ “nhờ chuyển thư” hay địa chỉ “giữ thư” mà địa chỉ đó là địa chỉ duy nhất đối với khách hàng tại Hoa Kỳ;
 - vii. Có ủy quyền cho người có địa chỉ tại Hoa Kỳ;
 - viii. Người có quyền kiểm soát của khách hàng tổ chức có một trong các yếu tố Hoa Kỳ của:
 - Khách hàng cá nhân được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (trường hợp Người có quyền kiểm soát là cá nhân); hoặc
 - Khách hàng tổ chức nêu trên (trường hợp Người có quyền kiểm soát là tổ chức).
2. Chủ thẻ xác nhận những thông tin kê khai theo luật thuế Hoa Kỳ được cung cấp ở “Giấy đề nghị kiểm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng” và/hoặc “Giấy đề nghị thay đổi/thêm mới thông tin” là đúng, chính xác và đầy đủ. Bằng việc đánh dấu vào những ô thích hợp tại phần “Thông tin kê khai theo Luật Thuế Hoa Kỳ”, Chủ thẻ đã khai báo về tình trạng thuế theo luật thuế Hoa Kỳ. Chủ thẻ hiểu rằng việc kê khai sai hoặc gây hiểu lầm về tình trạng thuế của Chủ thẻ có thể dẫn đến việc bị phạt bởi Luật Thuế Hoa Kỳ, đặc biệt là Đạo luật tuân thủ thuế tài khoản nước ngoài (FATCA) và cam kết chấp nhận chi trả các khoản phạt này.
3. Chủ thẻ đồng ý cung cấp cho Ngân hàng những thông tin, hồ sơ có liên quan theo như yêu cầu của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trong trường hợp có bất cứ sự thay đổi nào trong các thông tin mà Chủ thẻ cung cấp cho Ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi tình trạng thuế Hoa Kỳ hoặc Chủ thẻ trở thành công dân hoặc người cư trú tại Hoa Kỳ, Chủ thẻ cam kết thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng, trong mọi tình huống, trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự thay đổi để điều chỉnh và/hoặc cập nhật các thông tin của Chủ thẻ, các thông tin được thay đổi và/hoặc cập nhật này sẽ được sử dụng và thay thế cho các thông tin mà Chủ thẻ đã cung cấp cho Ngân hàng trước đó.
4. Tùy theo luật pháp hoặc quy định áp dụng tại địa phương, Chủ thẻ chấp thuận cho Ngân hàng hoặc bất kỳ Công ty con/Công ty liên kết của Ngân hàng (bao gồm chi nhánh) chia sẻ thông tin của Chủ thẻ không hạn chế cho cơ quan thuế, cơ quan quản lý ở trong và ngoài nước hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ của bên thứ ba khi cần thiết để thiết lập nghĩa vụ thuế của Chủ thẻ trong bất kỳ thẩm quyền nào.
5. Trong trường hợp có yêu cầu của cơ quan quản lý hoặc cơ quan thuế trong hay ngoài nước, Chủ thẻ chấp thuận và đồng ý rằng Ngân hàng có thể giữ lại từ (các) tài khoản của Chủ thẻ số tiền như được yêu cầu theo luật, quy định và chỉ thị hiện hành. Chủ thẻ đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang rằng Ngân hàng có toàn quyền (i) đóng (các) tài khoản; (ii) không tiếp tục cung cấp các dịch vụ ngân hàng; (iii) chuyển số tiền có trên tài khoản cho bất kỳ Công ty con/Công ty liên kết của Ngân hàng theo như yêu cầu của bất kỳ cơ

quan thuế nào. Theo đó, Ngân hàng sẽ không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến khoản thuế hoặc số tiền mà Ngân hàng giữ lại theo yêu cầu của cơ quan thuế, cơ quan quản lý ở trong và ngoài nước và/hoặc bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại nào phát sinh do việc Ngân hàng tuân thủ theo quy định của các cơ quan thuế, cơ quan quản lý ở trong và ngoài nước.

6. Chủ thẻ cam kết chịu trách nhiệm thanh toán bồi hoàn cho Ngân hàng bất kỳ mất mát hoặc thiệt hại bao gồm nhưng không giới hạn chi phí và phí tổn thu hồi các thiệt hại này phát sinh do việc phá vỡ và/hoặc không tuân thủ theo các nội dung tại cam kết này và/hoặc Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cũng như việc cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sai lệch. Ngân hàng có toàn quyền thực hiện mọi hành động nhằm mục đích thu hồi lại các mất mát và thiệt hại mà Ngân hàng đã chịu, bao gồm nhưng không giới hạn việc xử lý tài sản thuộc sở hữu của Chủ thẻ.
7. Chủ thẻ đồng ý rằng các nội dung cam kết nêu trên sẽ thay thế các nội dung mà Chủ thẻ đã cam kết với Ngân hàng tại các văn bản khác phát sinh trước đây.
8. Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng hoặc công ty con, công ty liên kết (bao gồm các Chi nhánh/Phòng giao dịch) tuân thủ theo quy định thuế của Hoa Kỳ, bao gồm nhưng không giới hạn việc cung cấp thông tin một cách không giới hạn cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu cần thiết để thiết lập các nghĩa vụ về thuế theo quy định.
9. Ngân hàng sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với các khoản thuế phải trích lập đối với các khoản thanh toán đã được báo cáo cho Chủ thẻ theo quy định Thuế của Hoa Kỳ.
10. Khi được yêu cầu bởi cơ quan quản lý trong nước hoặc nước ngoài, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được trích tiền từ tài khoản của mình khoản tiền được yêu cầu theo quy định pháp luật hoặc theo lệnh của cơ quan quản lý.

Điều 17. Tuân thủ nghĩa vụ thuế

1. Chủ thẻ hiểu rõ rằng Ngân hàng không có nghĩa vụ tư vấn các vấn đề liên quan đến Thuế. Chủ thẻ tự chịu trách nhiệm với nghĩa vụ báo cáo và nộp thuế trên toàn cầu cho các khoản thu nhập liên quan đến (các) tài khoản của Chủ thẻ và hiểu rằng Ngân hàng yêu cầu Chủ thẻ tuân thủ đầy đủ nghĩa vụ Thuế. Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm tìm kiếm các tư vấn Thuế độc lập cho bất kỳ giao dịch hoặc hướng dẫn nào liên quan đến tài khoản của Chủ thẻ tại Ngân hàng. Trong trường hợp có giấy giới thiệu bởi bên thứ ba cho tư vấn thuế cụ thể, hợp đồng cho tư vấn thuế giữa Chủ thẻ và bên thứ ba, và bất cứ tư vấn nào được đưa ra thì đó là trách nhiệm của bên thứ ba, chứ không phải của Ngân hàng.
2. Chủ thẻ có nghĩa vụ cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan khi được Ngân hàng yêu cầu theo yêu cầu của luật pháp nhằm cho phép Ngân hàng tuân thủ đầy đủ tính pháp lý và các nghĩa vụ báo cáo thuế của Ngân hàng.

Điều 18. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ

1. Ngoại trừ các trường hợp chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo các điều khoản khác của Bản Điều khoản và Điều kiện này, Ngân hàng và Chủ thẻ có quyền đơn phương chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi hai Bên đã giải quyết xong các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ tài chính của các Bên và phải thông báo cho nhau.
2. Trong trường hợp Chủ thẻ đơn phương chấm dứt sử dụng thẻ: tại thời điểm Chủ thẻ thông báo chấm dứt sử dụng thẻ, Chủ thẻ đồng ý thanh toán toàn bộ số dư chưa thanh toán đối với cho các giao dịch đã bút toán và

- các giao dịch chưa được bút toán nhưng đã trừ vào Tài Khoản và tất cả các khoản dự kiến phải thu (lãi (nếu có), phí (nếu có); (ii) hủy tất cả các lệnh Thanh toán tự động đang được thực hiện trên Tài khoản (nếu có).
3. Ngân hàng có thể đơn phương chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và thu hồi nợ trước hạn mà không cần phải thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều này khi xảy ra các trường hợp sau:
- Khi Chủ thẻ vi phạm các nghĩa vụ, cam kết đối với Ngân hàng.
 - Ngân hàng tái đánh giá hạn mức tín dụng thẻ và Chủ thẻ không đủ điều kiện tái cấp hạn mức tín dụng thẻ.
 - Các giao dịch có dấu hiệu không bình thường nhằm đảm bảo an toàn cho Tài khoản của Chủ thẻ.
 - Chủ thẻ phá sản; Bên bảo đảm (nếu có) phá sản/ chết mà không có người thừa kế được Ngân hàng chấp nhận.
 - Chủ thẻ và/hoặc bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật, kể cả những thông tin cung cấp trước khi được cấp hạn mức tín dụng thẻ.
 - Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào hoặc theo quy định của tổ chức thẻ quốc tế.
 - Chủ thẻ có một hoặc một số khoản vay và/hoặc Thẻ chuyển sang nợ quá hạn tại Ngân hàng và/hoặc tại các tổ chức tín dụng khác và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ, toàn bộ Dư nợ của Chủ thẻ theo Hợp Đồng cũng được xem như là quá hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ. Các nguy cơ khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Chủ thẻ.
 - 12 tháng liên tục mà không phát sinh giao dịch trên Thẻ của Chủ thẻ.
 - Theo toàn quyền nhận định của Ngân hàng, Ngân hàng nghi ngờ Chủ thẻ, giao dịch của Chủ thẻ liên quan đến tội phạm, tài trợ khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; vi phạm pháp luật hoặc để thực hiện chính sách phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng;
 - Theo quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng trong từng thời kỳ.
4. Chủ thẻ chính có thể đơn phương yêu cầu Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ/người sử dụng thẻ. Trường hợp Chủ thẻ chính yêu cầu Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng Thẻ chính thì ngoài việc Ngân hàng chấm dứt việc sử dụng Thẻ chính thì Ngân hàng có quyền chấm dứt hoạt động của các Thẻ phụ
5. Sau khi việc chấm dứt sử dụng Thẻ có hiệu lực:
- Chủ thẻ vẫn phải tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch thẻ, phí và/hoặc chi phí phát sinh, các khoản bồi thường thiệt hại phát sinh trước hoặc sau thời điểm chấm dứt.
 - Hiệu lực của Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Bản Điều khoản và Điều kiện này sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến khi Chủ thẻ hoàn tất mọi nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng.
 - Chủ thẻ thực hiện hoàn trả lại tất cả các Thẻ cho Ngân hàng.
 - Đối với trường hợp chấm dứt sử dụng thẻ có đảm bảo: Ngân hàng chỉ thực hiện giải tỏa tài sản đảm bảo (nếu có) khi Chủ thẻ thanh toán hết toàn bộ dư nợ phát sinh trong tài khoản Thẻ.
 - Bất kỳ khoản dư có nào không có người nhận còn tồn tại trong tài khoản đã được chấm dứt sau 06 tháng sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng.

Điều 19. Tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng thẻ

- Khi phát hiện có sai sót hoặc nghi ngờ có sai sót về giao dịch thẻ, Chủ thẻ/ người sử dụng thẻ có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại.

2. Phương thức tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại: qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày, 7/7 ngày trong tuần), qua các điểm giao dịch của Ngân hàng và qua hình thức điện tử theo triển khai của Ngân hàng từng thời kỳ.
3. Ngân hàng có quyền từ chối các khiếu nại đối với:
 - a. Giao dịch của thẻ Chip/thẻ Chip VCCS/thẻ Chip Contactless phát sinh tại ATM/POS mà Chủ thẻ cho rằng bị giả mạo/gian lận.
 - b. Các giao dịch thẻ có giá trị nhỏ hơn 10 USD hoặc tương đương tại các ĐVCNT trừ các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí.
 - c. Các giao dịch có giá trị nhỏ hơn 25 USD hoặc tương đương tại các ĐVCNT thuộc loại hình du lịch và giải trí theo quy định của các Tổ chức thẻ quốc tế (ví dụ: hàng không, dịch vụ thuê xe, đi tàu biển, đi tàu hỏa, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, đại lý du lịch ...).
 - d. Một thẻ khiếu nại vượt quá 35 giao dịch tại cùng ĐVCNT trong vòng 120 ngày.
 - e. Đối với giao dịch bằng thẻ nội địa (thẻ Napas), Ngân hàng được quyền từ chối các khiếu nại lần 2 của chủ thẻ đối với tất cả các giao dịch thẻ trực tuyến.
 - f. Các giao dịch phát sinh trên thẻ kể từ khi Chủ thẻ đăng ký/yêu cầu hạn mức giao dịch ngoài hạn mức giao dịch giới hạn của Ngân hàng.
4. Đối với thẻ Visa, Ngân hàng có quyền từ chối yêu cầu truy xuất HDGD hoặc cung cấp thông tin về ĐVCNT.
5. Yêu cầu khiếu nại, tra soát của Chủ thẻ/người sử dụng thẻ phải được thực hiện bằng mẫu giấy đề nghị tra soát, khiếu nại do Ngân hàng ban hành. Trường hợp khiếu nại, tra soát qua tổng đài điện thoại thì người sử dụng thẻ có trách nhiệm bổ sung giấy đề nghị tra soát, khiếu nại trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày khiếu nại, tra soát qua điện thoại để làm căn cứ chính thức để xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại.
6. Xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại: Ngân hàng giải quyết đề nghị tra soát, khiếu nại và trả lời kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ/ Người sử dụng thẻ trong phạm vi thời hạn:
 - a. Đối với thẻ có BIN do Ngân hàng Nhà nước cấp, thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ /Người sử dụng thẻ;
 - b. Đối với thẻ có BIN do tổ chức thẻ quốc tế cấp, thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại và phản hồi lần đầu tiên cho Chủ thẻ là 60 ngày kể từ ngày tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại lần đầu của Chủ thẻ/ Người sử dụng thẻ.
7. Xử lý kết quả tra soát, khiếu nại:
 - a. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Chủ thẻ/người sử dụng thẻ, Ngân hàng thực hiện bồi hoàn cho Chủ thẻ theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Chủ thẻ/ Người sử dụng thẻ và/hoặc không thuộc các trường hợp sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn những sự kiện sau:

sự hư hỏng hoặc sự cố nào xuất phát từ lỗi của ATM, POS và/hoặc bất kỳ thiết bị máy móc nào của Ngân hàng, sự cố kỹ thuật từ hệ thống Công nghệ thông tin của Ngân hàng, lỗi phát sinh từ nhà cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông và/hoặc điện lực hoặc bất kỳ sự kiện nào không thuộc tầm kiểm soát của Ngân hàng và những sự kiện khác theo quy định của pháp luật.

- b. Trong trường hợp hết thời hạn xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại theo khoản 4 Điều này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, Ngân hàng sẽ thỏa thuận với Chủ thẻ/ Người sử dụng thẻ về phương án xử lý hoặc tạm thời bồi hoàn tổn thất cho Chủ thẻ cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền phân định rõ lỗi và trách nhiệm của các bên.

Điều 20. Thông báo

1. Chủ thẻ cam kết địa chỉ doanh nghiệp, các số điện thoại đăng ký và/hoặc email (gọi chung là “Thông tin liên lạc”) nêu tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng là thông tin liên lạc hiện nay của Chủ thẻ. Đây là các thông tin liên lạc mà Ngân hàng có thể gửi tất cả các thông báo, Bảng sao kê giao dịch hàng tháng và chương trình khuyến mại đến cho Chủ thẻ trong quá trình Bản Điều khoản và Điều kiện này có hiệu lực và cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi thư mời, thông báo, tổng đạt, niêm yết công khai nhằm yêu cầu Chủ thẻ thực hiện nghĩa vụ của mình với Ngân hàng.
Các chỉ thị của khách hàng thông qua số điện thoại đã đăng ký (bao gồm nhưng không giới hạn ở chỉ thị kích hoạt Thẻ) sẽ có giá trị ràng buộc Chủ thẻ.
2. Tất cả các thông báo của Ngân hàng gửi đến cho Chủ thẻ sẽ được Ngân hàng công bố trên website của Ngân hàng hoặc được Ngân hàng niêm yết tại các điểm giao dịch trực thuộc Ngân hàng hoặc theo các phương tiện điện tử Ngân hàng triển khai áp dụng từng thời điểm. Bằng các hình thức thông báo, thông tin nêu trên Ngân hàng gửi đến Chủ thẻ các nội dung về việc phát hành thẻ, thông tin thẻ, số dư tài khoản, lịch sử giao dịch thẻ và các thông tin cần thiết khác.
3. Chủ thẻ được xem là đã nhận được thông báo, tài liệu của Ngân hàng trong các trường hợp sau:
 - a. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày gửi (tính theo dấu bưu điện) nếu được gửi bằng thư; hoặc
 - b. Vào ngày gửi đi nếu gửi bằng fax, Thư điện tử (email), số điện thoại mà Chủ thẻ đăng ký với Ngân hàng; hoặc
 - c. Vào ngày công bố trên website của Ngân hàng nêu tại khoản 1 Điều này hoặc ngày Ngân hàng niêm yết tại các điểm giao dịch trực thuộc Ngân hàng.

Điều 21. Quy định khác

1. Sửa đổi, bổ sung Bản Điều khoản và Điều kiện này: Ngân hàng được phép thay thế, sửa đổi, bổ sung Bản Điều khoản và Điều kiện này và thông báo cho Chủ thẻ theo các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ của Chủ thẻ đã cung cấp cho Ngân hàng hoặc công bố trên website của Ngân hàng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Ngân hàng. Các nội dung được thay thế, sửa đổi, bổ sung có giá trị nếu Chủ thẻ vẫn tiếp tục sử dụng Thẻ sau khi sự thay thế, sửa đổi, bổ sung nêu trên có hiệu lực trừ khi Chủ thẻ phản đối bằng cách biểu lộ ý định chấm dứt việc sử dụng Thẻ tại Bản Điều khoản và Điều kiện này.

2. Trao đổi bằng điện thoại: Chủ thẻ/ người sử dụng thẻ đồng ý bằng hình thức gọi điện thoại hoặc chấp nhận cuộc điện thoại từ Ngân hàng hoặc Bên thứ ba được Ngân hàng ủy quyền, Ngân hàng hoặc Bên thứ ba được Ngân hàng ủy quyền có thể ghi âm lại cuộc gọi và sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn cho những mục đích như nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho Chủ thẻ, làm chứng cứ trong quá trình giải quyết tranh chấp hoặc trong quá trình tiến hành các thủ tục hành chính, tố tụng (nếu có).
3. Chuyển nhượng: Chủ thẻ không được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Chủ thẻ theo Hợp đồng cho bất kỳ Bên thứ ba nào. Ngân hàng có quyền chuyển nhượng hay chuyển giao bằng hình thức khác toàn bộ hay một phần quyền và/hoặc nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng với bên thứ ba bằng việc thông báo trước cho Chủ thẻ. Chủ thẻ sẽ thực hiện bất kỳ hành động nào hay chấp nhận tài liệu nào khi Ngân hàng hướng dẫn để tác động đến việc chuyển nhượng và chuyển giao được quy định tại điều này.
4. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp: Bản Điều khoản và Điều kiện này được điều chỉnh theo quy định pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Chủ thẻ và Ngân hàng mà không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, các bên có quyền khởi kiện ra Trọng tài thương mại hoặc Tòa án có thẩm quyền theo quy định Pháp luật để giải quyết.
5. Giới hạn trách nhiệm: Bất kỳ kiện tụng nào phát sinh từ Hợp đồng hoặc bất kỳ hành động nào có liên quan đến mà Chủ thẻ hay bất kỳ bên nào đại diện cho Chủ thẻ có thể thực hiện khởi kiện chống lại Ngân hàng, trách nhiệm của Ngân hàng sẽ không vượt quá số tiền 350.000 VND (ba trăm năm mươi ngàn đồng) hay ít hơn tùy theo tổn thất được chứng minh thực tế.
6. Sự riêng biệt: Nếu có bất kỳ điều khoản, điều kiện hay bất kỳ phần nào hoặc khoản mục nào của Bản Điều khoản và Điều kiện này bị tuyên bố là không có hiệu lực hay không buộc thực hiện bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì những điều đó sẽ không làm vô hiệu các điều khoản và điều kiện khác, một phần hoặc tất cả các khoản mục của Bản Điều khoản và Điều kiện này.
7. Thẻ có bảo đảm: Ngân hàng có thể thỏa thuận với Chủ thẻ biện pháp bảo đảm việc thanh toán đối với các nghĩa vụ Chủ thẻ theo Hợp đồng. Nếu Thẻ kèm theo biện pháp bảo đảm được phát hành bởi Ngân hàng thì phương thức bảo đảm do Ngân hàng quy định sẽ được lập thành văn bản và văn bản này trở thành một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng. Việc Chủ thẻ bị chấm dứt cấp tín dụng tại Ngân hàng vì bất cứ lý do gì có thể dẫn đến việc chấm dứt sử dụng Thẻ và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm theo quyết định của Ngân hàng.
8. Chỉ thị của Chủ thẻ
 - a. Chủ thẻ ủy quyền cho Ngân hàng thực hiện các công việc mà Ngân hàng cho rằng phù hợp dựa trên chỉ thị của Chủ thẻ cho Ngân hàng. Chỉ thị của Chủ thẻ có thể được thông báo hay trao đổi với Ngân hàng trong từng thời điểm thông qua thư, điện thoại, fax đã đăng ký với Ngân hàng.
 - b. Ngân hàng có quyền yêu cầu những chỉ thị này của Chủ thẻ phải được gửi theo một mẫu cụ thể hoặc những chỉ thị này phải được xác nhận bằng văn bản hoặc dưới hình thức khác trước khi Ngân hàng thực hiện công việc dựa trên những chỉ thị này. Ngân hàng có quyền xử lý chỉ thị của Chủ thẻ như được ủy quyền hoàn toàn. Chủ thẻ bị ràng buộc trách nhiệm đối với việc thực hiện các bước liên

quan đến chỉ thị này. Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hậu quả của việc thực hiện hay tuân theo các chỉ thị của Chủ thẻ.

- c. Ngân hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ xác định người cung cấp chính xác các thông tin của Chủ thẻ đã đăng ký với Ngân hàng là Chủ thẻ. Việc xác định Chủ thẻ bằng cách kiểm tra các thông tin Chủ thẻ đã đăng ký có thể được Ngân hàng thực hiện qua điện thoại hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý.
9. Ngôn ngữ: ngôn ngữ chính được sử dụng trong Hợp Đồng và các văn bản, tài liệu liên quan giữa Ngân hàng và Chủ thẻ là tiếng Việt. Nếu có bên nước ngoài tham gia, các Bên có thể thỏa thuận sử dụng tiếng nước ngoài thông dụng kèm theo bản tiếng Việt. Trong trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt sẽ có giá trị áp dụng.